

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCCK TPHCM**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM**

- Tổ chức niêm yết : **CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM**
- Mã chứng khoán : **PNC**
- Trụ sở chính : 940 đường 3 tháng 2, phường 15, quận 11, Tp. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : 028 38663447 Fax: 028 38663449
- Người thực hiện công bố thông tin: **NGUYỄN HỮU HOẠT** (Người được ủy quyền Công bố thông tin)
- Địa chỉ: Số 1H đường số 6, Cư xá Bình Thới, Quận 11, Tp. HCM
- Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): : 028 38663447 Fax: 028 38663449
- Loại thông tin công bố: 24 giờ; 72 giờ; định kỳ
 bất thường; Theo yêu cầu
- Nội dung thông tin công bố: **Báo cáo tài chính quý 3 năm 2022 (riêng, hợp nhất) ✓**
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 28/10/2022 tại đường dẫn www.pnc.com.vn của công ty.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm: Báo cáo tài chính quý 3 năm 2022 (riêng, hợp nhất).

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu tại VPCT

**CÔNG TY CP VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT**



NGUYỄN HỮU HOẠT

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 năm 2022

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.



CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA
PHƯƠNG NAM

Báo cáo hợp nhất
Quý 3 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT)

Quý 3/2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	30/09/2022	01/01/2022
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		542,811,735,382	464,556,324,620
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		64,759,628,152	28,059,429,425
1. Tiền	111	VI.1	37,259,628,152	11,559,429,425
2. Các khoản tương đương tiền	112		27,500,000,000	16,500,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		74,200,000,000	33,200,000,000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		74,200,000,000	33,200,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		131,785,330,853	142,212,537,549
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	VI.3	28,177,870,587	43,313,070,253
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		13,744,291,504	6,904,697,335
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	VI.6	72,546,000,000	70,000,000,000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	VI.4a	24,619,487,294	29,741,297,879
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(9,918,659,458)	(9,918,659,458)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	VI.5	2,616,340,926	2,172,131,540
IV. Hàng tồn kho	140		268,540,538,287	254,975,210,838
1. Hàng tồn kho	141	VI.7a	285,736,368,588	272,171,041,139
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	VI.7b	(17,195,830,301)	(17,195,830,301)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3,526,238,090	6,109,146,808
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.13a	2,201,044,656	2,143,427,788
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1,294,027,192	3,935,324,432
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	VI.17b	31,166,242	30,394,588
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		37,077,791,136	46,701,106,610
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		7,527,111,349	10,374,334,530
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	5,246,000,000
6. Phải thu dài hạn khác	216	VI.4b	7,527,111,349	5,128,334,530
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		21,762,921,740	30,780,841,324
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.9	20,695,974,882	29,992,528,780
- Nguyên giá	222		159,307,747,675	158,515,679,873
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(138,611,772,793)	(128,523,151,093)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	VI.10	1,066,946,858	788,312,544

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	30/09/2022	01/01/2022
- Nguyên giá	228		5,591,953,484	5,120,818,486
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(4,525,006,626)	(4,332,505,942)
III. Bất động sản đầu tư	230	VI.12	-	-
- Nguyên giá	231		4,170,407,110	4,170,407,110
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(4,170,407,110)	(4,170,407,110)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		3,774,171,930	1,469,634,899
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	VI.8	3,774,171,930	1,469,634,899
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		2,499,906,900	2,499,906,900
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2,499,906,900	2,499,906,900
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1,513,679,217	1,576,388,957
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.13b	772,365,765	864,725,998
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	VI.22	741,313,452	711,662,959
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		579,889,526,518	511,257,431,230
C – NỢ PHẢI TRẢ	300		410,306,719,855	359,051,103,902
I. Nợ ngắn hạn	310		404,965,008,879	354,738,710,926
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	VI.15	298,997,150,250	293,790,136,273
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		17,787,680,773	2,447,768,916
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	VI.17a	493,710,106	347,462,478
4. Phải trả người lao động	314		25,260,082,604	15,932,608,817
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	VI.18	32,060,559,168	18,631,697,584
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	VI.20	2,721,235,429	1,380,888,138
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	VI.19a	27,644,590,549	22,208,148,720
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		5,341,710,976	4,312,392,976
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	VI.19b	5,341,710,976	4,312,392,976
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	30/09/2022	01/01/2022
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		169,582,806,663	152,206,327,328
I. Vốn chủ sở hữu	410	VI.23	169,582,806,663	152,206,327,328
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		110,402,410,000	110,402,410,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		110,402,410,000	110,402,410,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		24,738,460,046	24,738,460,046
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(2,616,000,640)	(2,616,000,640)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1,998,733,714	1,998,733,714
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		35,059,203,543	17,682,724,208
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		17,682,724,208	17,682,724,208
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		17,376,479,335	-
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		579,889,526,518	511,257,431,230

Người lập & Kế toán trưởng


Phan Quốc Hưng

Ngày 03 tháng 10 năm 2022

Đại diện pháp luật/ Người được ủy quyền




Nguyễn Hữu Hoạt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (HỢP NHẤT)

Quý 3/2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Quý 3/2022	Quý 3/2021	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này năm 2022	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này năm 2021
Doanh thu cung cấp hàng hóa và dịch vụ	01	VII.1	203,776,248,197	43,338,158,428	523,465,312,070	289,659,036,854
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VII.2	1,825,606,724	623,013,016	4,964,745,612	3,177,085,545
Doanh thu thuần từ hàng hóa và dịch vụ	10		201,950,641,473	42,715,145,412	518,500,566,458	286,481,951,309
Giá vốn hàng bán	11	VII.3	119,203,935,651	27,809,063,096	317,498,423,275	176,306,752,301
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		82,746,705,822	14,906,082,316	201,002,143,183	110,175,199,008
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.4	1,782,875,007	1,722,132,812	7,637,041,758	9,273,770,003
Chi phí tài chính	22	VII.5	1,237,500	-	1,237,500	5,344,467
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-	-	-
<i>Lãi lỗ công ty liên kết</i>	24		-	-	-	-
Chi phí bán hàng	25	VII.8	61,891,627,999	24,671,638,887	166,722,500,342	122,703,100,018
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VII.8	8,893,164,029	3,714,868,841	22,534,214,991	17,561,280,958
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13,743,551,301	(11,758,292,600)	19,381,232,108	(20,820,756,432)
Thu nhập khác	31	VII.6	110,151,564	86,547,017	1,326,988,439	1,696,208,652
Chi phí khác	32	VII.7	3,170,492,992	638,732,864	3,361,391,716	1,315,290,655
Lợi nhuận khác	40		(3,060,341,428)	(552,185,847)	(2,034,403,277)	380,917,997
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10,683,209,873	(12,310,478,447)	17,346,828,831	(20,439,838,435)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		13,793,326	97,942,711	(29,650,504)	246,720,229
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		10,669,416,547	(12,408,421,158)	17,376,479,335	(20,686,558,664)
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		10,669,416,547	(12,408,421,158)	17,376,479,335	(20,686,558,664)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-	-	-
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		1,310	(1,786)	1,609	(1,916)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		-	-	-	-

Người lập & Kế toán trưởng



Phan Quốc Hưng

Ngày 28 tháng 10 năm 2022
Đại diện pháp luật/ Người được ủy quyền

Nguyễn Hữu Hoạt

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

Mẫu số B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014 TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 3/2022

Chỉ tiêu	Mã số	Quý 3/2022	Quý 3/2021	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này năm 2022	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này năm 2021
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh					
1. Lợi nhuận trước thuế	01	10,683,209,873	(12,310,478,447)	17,346,828,831	(20,439,838,435)
2. Điều chỉnh cho các khoản:					
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	3,158,321,052	3,998,924,632	6,110,715,274	12,678,044,400
- Các khoản dự phòng	03	-	-	-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá	04	-	-	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1,673,738,830)	(1,774,670,925)	(7,244,947,510)	(5,350,186,807)
- Chi phí lãi vay	06	-	-	-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	12,167,792,095	(10,086,224,740)	16,212,596,595	(13,111,980,842)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	3,553,075,416	(2,752,723,788)	13,214,955,463	12,692,399,278
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(2,442,352,063)	10,108,460,742	(13,565,327,449)	(38,258,189,071)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	37,863,589,924	(1,960,814,331)	51,255,615,964	38,684,584,237
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	559,740,153	2,539,952,737	34,743,365	3,025,565,030
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	-	-	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	-	-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	-	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	51,701,845,525	(2,151,349,380)	67,152,583,938	3,032,378,632
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư					
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(2,343,958,663)	121,061,905	602,667,279	(4,836,281,747)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	54,363,636	-	99,818,181
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(34,100,000,000)	(14,440,000,000)	(38,300,000,000)	(82,664,455,527)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	5,000,000,000	20,440,000,000	-	42,640,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được	27	1,281,644,582	1,720,307,289	7,244,947,510	5,313,728,677
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(30,162,314,081)	7,895,732,830	(30,452,385,211)	(39,447,190,416)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	-	-	-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	-	-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-	-	(5,406,993,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-	-	(5,406,993,000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	21,539,531,444	5,744,383,450	36,700,198,727	(41,821,804,784)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	43,220,096,708	25,524,441,831	28,059,429,425	73,090,630,065
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	64,759,628,152	31,268,825,281	64,759,628,152	31,268,825,281

Người lập & Kế toán trưởng

Phan Quốc Hưng

Ngày 28 tháng 10 năm 2022
Đại diện pháp luật/ Người được ủy quyền
CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
QUẬN TT-TP. HCM
Nguyễn Hữu Hoạt

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 năm 2022

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bản thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn.

Công ty Cổ phần Văn Hóa Phương Nam được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002356 ngày 19 tháng 11 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 15 tháng 08 năm 2019.

Trụ sở Công ty được đặt tại số 940 đường 3/2, P.15, Q.11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 110.402.410.000 đồng.

Công ty có đầu tư vào 6 công ty con như được trình bày tại mục I.4 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn).

2. Lĩnh vực kinh doanh.

Lĩnh vực văn hóa.

3. Ngành nghề kinh doanh.

Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Kinh doanh siêu thị, hàng tiêu dùng, sách báo, tạp chí văn hóa phẩm, băng hình, vật tư ngành ảnh, ngành in, đồ chơi trẻ em;
- Sản xuất và kinh doanh các tác phẩm điện ảnh: phim nhựa, phim quảng cáo, các sản phẩm nghe nhìn và thực hiện các dịch vụ khác thuộc lĩnh vực điện ảnh;
- In ấn các loại sách báo, tạp chí, văn hóa phẩm, văn phòng phẩm, tem nhãn, bao bì các loại, giấy tờ quản lý kinh tế trên tất cả các chất liệu;
- Kinh doanh các dịch vụ thuộc ngành văn hóa thông tin: nhiếp ảnh, âm thanh, nhạc cụ, vẽ quảng cáo, thiết kế mỹ thuật, đánh máy, photocopy;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp vật tư, nguyên liệu, thành phẩm và máy móc thiết bị có liên quan đến chức năng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Sản xuất các sản phẩm phục vụ nhu cầu học tập, văn hóa bằng tất cả các chất liệu;
- Dịch vụ: sửa chữa, bảo trì máy móc, công cụ do Công ty kinh doanh; giữ xe của khách hàng.
- Tổ chức biểu diễn thời trang, ca múa nhạc chuyên nghiệp;
- Cho thuê mặt bằng, văn phòng, nhà xưởng;
- Sản xuất và mua bán các loại sản phẩm nghe nhìn: băng đĩa nhạc, băng đĩa hình, băng đĩa phim truyện, phim hoạt hình, băng đĩa có nội dung sân khấu – ca nhạc và các loại băng đĩa có nội dung được phép lưu hành;
- Dịch vụ bảo hộ quyền tác giả;
- Kinh doanh quán ăn uống bình dân (không kinh doanh tại trụ sở);
- Kinh doanh rạp chiếu phim;
- Dịch vụ quảng cáo thương mại.

4. Cấu trúc tập đoàn

- Tổng số các Công ty con:

+ Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 6

<u>STT</u>	<u>Tên công ty con trực tiếp</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ</u>
1.	Công ty TNHH MTV Sách Phương Nam		100%	100%
2.	Công ty TNHH MTV VPP Phương Nam		100%	100%
3.	Công ty TNHH MTV Phương Nam Phim		100%	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 năm 2022

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.	Công ty TNHH MTV In Phương Nam	100%	100%
5.	Công ty TNHH Bán Lê Phương Nam	100%	100%
6.	Công ty TNHH Giải Trí-Truyền Thông Phương Nam	100%	100%

STT	Tên công ty liên doanh, liên kết	Địa chỉ	Quyền biểu quyết của Công ty	Tỷ lệ lợi ích của Công ty
1.	Công ty Cổ phần Nhân Hiệu Phương Nam	137 Lê Quang Định, P.14, Q.Bình Thạnh, TP HCM	50,00%	59,90%
2.	Công ty CP TT Bách Việt Phương Nam	Số 59 Trần Quốc Hoàn, Q.Tân Bình, TP HCM	30,67%	30,67%
(Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết đang tính theo vốn điều lệ, vốn thực góp đến thời điểm hiện nay thấp hơn vốn điều lệ do có cổ đông chưa góp đủ vốn)				
3.	Công ty CP Mega Phương Nam		32,00%	32,00%

Đầu tư khác	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Công ty
Công ty CP Sách & Thiết bị Trường học Sóc Trăng	49, đường Lê Duẩn, Phường 3, Quận Sóc Trăng, TP. Sóc Trăng, VN	15.69%

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm

Năm tài chính của Tập đoàn từ 01/01 đến 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng.

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 – Đầu tư vào công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2022.

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán là nhật ký chung.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng.

1. Nguyên tắc hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Văn Hóa Phương Nam và báo cáo tài chính các công ty con được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 năm 2022

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối năm tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

3. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền.

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

- a. Các khoản cho vay;
- b. Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết;
 - Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
 - Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.
- c. Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác;
- d. Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho;

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho;

Giá trị hàng tồn kho cuối năm được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho;

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 năm 2022

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

8. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo [phương pháp đường thẳng/ phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần có điều chỉnh/ phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm] trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	04 – 20 năm
+ Máy móc thiết bị	05 – 10 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	02 – 06 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06 năm
+ Tài sản cố định vô hình	02 -20 năm

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản. Nếu giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tối thiểu cho việc thuê tài sản thì ghi theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tối thiểu.

- Nguyên tắc và phương pháp khấu hao tài sản cố định thuê tài chính

Chính sách khấu hao nhất quán với chính sách khấu hao của tài sản cùng loại thuộc sở hữu của Tập đoàn.

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

- Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

9. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ vào đặc thù từng loại chi phí.

10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả.

Ghi rõ ràng rành mạch theo từng đối tượng

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 năm 2022

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ
- Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.
- Ghi nhận cổ tức
- Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.
- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế: theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông hàng năm.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

15. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

16. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Hàng tồn kho kê khai thường xuyên

17. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính.

18. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành
Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 năm 2022

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Các báo cáo thuế của các Công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với các báo cáo tài chính của các Công ty trong Tập đoàn.

20. Các nguyên tắc và phương pháp lập BCTC hợp nhất (chỉ thuyết minh những phương pháp kế toán có giao dịch phát sinh trong kỳ)

- Phương pháp kế toán trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn;
- Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát;
- Phương pháp kế toán ghi nhận lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con (thoái đầu tư trong các trường hợp không mất quyền kiểm soát, mất quyền kiểm soát, khi công ty con phát hành cổ phiếu riêng lẻ, hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung);
- Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ;

1. Tiền	30/09/2022	01/01/2022
- Tiền mặt	616.009.869	946.763.154
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	36.643.618.283	10.612.666.271
Cộng	37.259.628.152	11.559.429.425

Chi tiết số dư loại tiền mặt	30/09/2022	01/01/2022
-Trụ sở chính	5.795.336	5.609.458
-Công ty Bán Lê Phương Nam	590.887.366	915.704.646
-Công ty Phương Nam Phim	10.019.473	20.417.000
-Công ty In Phương Nam	53.756	598.756
-Công ty Sách Phương Nam	7.874.763	54.119
-Công ty GT TT Phương Nam	1.379.175	4.379.175
Cộng	616.009.869	946.763.154

Chi tiết số dư loại tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	30/09/2022	01/01/2022
-Trụ sở chính	627.077.327	928.095.806
-Công ty Bán Lê Phương Nam	33.754.181.305	9.133.422.300
-Công ty Phương Nam Phim	1.131.971.232	262.397.073
-Công ty In Phương Nam	16.733.502	13.176.299
-Công ty Sách Phương Nam	1.111.429.336	274.340.942
-Công ty GT TT Phương Nam	2.225.581	1.233.851
Cộng	36.643.618.283	10.612.666.271

2. Các khoản đầu tư tài chính	30/09/2022	01/01/2022
Đầu tư khác		
+Công ty CP STB Trường học Sóc Trăng	2.499.906.900	2.499.906.900
Cộng	2.499.906.900	2.499.906.900

3. Phải thu của khách hàng	30/09/2022	01/01/2022
-Trụ sở chính	1.664.256.004	1.627.723.144
-Công ty Bán Lê Phương Nam	23.241.825.279	38.178.613.328
-Công ty Phương Nam Phim	758.228.898	993.731.449
-Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	1.145.714.008	1.145.714.008
-Công ty In Phương Nam	969.612.978	969.612.978
-Công ty Sách Phương Nam	363.042.585	362.484.511
-Công ty GT TT Phương Nam	35.190.835	35.190.835
Cộng	28.177.870.587	43.313.070.253

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 năm 2022

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Trong đó các bên liên quan

+ Công ty CP nhân Hiệu Phương Nam 13.495.549 13.495.549

4. Phải thu khác

a) Ngắn hạn 30/09/2022 01/01/2022

- Ký cược, ký quỹ; 710.858.497 13.458.094.131

- Tạm ứng 5.028.074.288 6.067.810.946

- Các khoản chi hộ;

- Phải thu khác. 24.619.487.294 10.215.392.802

+ Trụ sở chính 1.897.885.123 654.877.456

+ Công ty Bán Lẻ Phương Nam 21.450.571.437 8.442.815.374

+ Công ty Phương Nam Phim 1.183.317.222 1.117.699.972

+ Công ty Sách Phương Nam 87.713.512 -

Cộng 24.619.487.294 29.741.297.879

Trong đó phải thu là bên liên quan

+ Công ty CP nhân Hiệu Phương Nam 15.398.858 15.398.858

b) Dài hạn

- Ký cược, ký quỹ; 7.527.111.349 5.128.334.530

+ Công ty Bán Lẻ Phương Nam 7.527.111.349 5.128.334.530

Cộng 7.527.111.349 5.128.334.530

5. Tài sản thiếu chờ xử lý:

Tài sản thiếu chờ xử lý 30/09/2022 01/01/2022

2.616.340.926 2.172.131.540

Cộng 2.616.340.926 2.172.131.540

6. Phải thu tiền vay

a) Ngắn hạn 30/09/2022 01/01/2022

+ Công ty Bán Lẻ Phương Nam 72.546.000.000 70.000.000.000

Cộng 72.546.000.000 70.000.000.000

7. Hàng tồn kho:

a. Giá gốc: 30/09/2022 01/01/2022

- Nguyên liệu, vật liệu; 1.490.085.186 1.533.355.518

- Công cụ, dụng cụ; 249.222.000 274.335.000

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang; 1.927.354.199 2.039.068.857

- Thành phẩm; 6.997.630.803 7.115.863.594

- Hàng hóa; 275.072.076.400 261.208.418.170

Cộng 285.736.368.588 272.171.041.139

b. Dự phòng hàng tồn kho

- Hàng hóa; 30/09/2022 01/01/2022

Trong đó: - -

+ Công ty Bán Lẻ Phương Nam 274.567.724 274.567.724

+ Công ty Phương Nam Phim 2.767.884.956 2.767.884.956

+ Công ty Sách Phương Nam 14.153.377.621 14.153.377.621

Cộng 17.195.830.301 17.195.830.301

8. Tài sản dở dang dài hạn

Xây dựng cơ bản dở dang 30/09/2022 01/01/2022

- Công ty Bán Lẻ Phương Nam 3.774.171.930 1.469.634.899

Cộng 3.774.171.930 1.469.634.899



CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 năm 2022

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Máy móc quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	128.513.287.297	6.036.216.711	1.525.413.574	22.440.762.291	158.515.679.873
- Mua trong năm	-	610.526.000	-	220.407.408	830.933.408
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Tặng khác	(270.907.300)	-	-	270.907.300	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(38.865.606)	(38.865.606)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	128.242.379.997	6.646.742.711	1.525.413.574	22.893.211.393	159.307.747.675
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	101.504.085.224	4.971.800.034	1.404.013.575	20.643.252.260	128.523.151.093
- Khấu hao trong năm	8.567.528.693	269.243.361	-	1.290.715.252	10.127.487.306
- Tặng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	254.985.457	254.985.457
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(38.865.606)	(38.865.606)
- Giảm khác	(254.985.457)	-	-	-	(254.985.457)
Số dư cuối năm	109.816.628.460	5.241.043.395	1.404.013.575	22.150.087.363	138.611.772.793
Giá trị còn lại					
- Tại ngày đầu năm	27.009.202.073	1.064.416.677	121.399.999	1.797.510.031	29.992.528.780
- Tại ngày cuối năm	18.425.751.537	1.405.699.316	121.399.999	743.124.030	20.695.974.882

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	-	811.603.151	4.309.215.335	5.120.818.486
- Mua trong năm	-	471.134.998	-	471.134.998
- Tạo ra từ nội bộ DN	-	-	-	-
- Tặng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	1.282.738.149	4.309.215.335	5.591.953.484
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	811.603.151	3.520.902.791	4.332.505.942
- Khấu hao trong năm	-	192.500.684	-	192.500.684
- Tặng khác	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	1.004.103.835	3.520.902.791	4.525.006.626
Giá trị còn lại				
- Tại ngày đầu năm	-	-	788.312.544	788.312.544
- Tại ngày cuối năm	-	278.634.314	788.312.544	1.066.946.858

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 năm 2022

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

12. Tăng, giảm bất động sản đầu tư:

Khoản mục	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Nguyên giá	4.170.407.110	-	-	4.170.407.110
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà	4.170.407.110	-		4.170.407.110
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	4.170.407.110	-	-	4.170.407.110
- Quyền sử dụng đất	-			-
- Nhà	4.170.407.110			4.170.407.110
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
Giá trị còn lại	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-

13. Chi phí trả trước

	30/09/2022	01/01/2022
a) Ngắn hạn		
- Trữ sở chính	49.092.135	21.024.408
- Công ty Bán Lê Phương Nam	2.144.589.074	2.115.918.100
- Công ty Phương Nam Phim	6.763.445	4.316.113
- Công ty Sách Phương Nam	600.002	2.169.167
Cộng	2.201.044.656	2.143.427.788

	30/09/2022	01/01/2022
b) Dài hạn		
- Trữ sở chính	5.723.240	14.716.602
- Công ty Bán Lê Phương Nam	656.920.938	807.852.616
- Công ty Phương Nam Phim	11.347.400	12.424.708
- Công ty Sách Phương Nam	98.374.187	29.732.072
Cộng	772.365.765	864.725.998

15. Phải trả người bán

	30/09/2022	01/01/2022
Các khoản phải trả người bán		
- Trữ sở chính	487.171.884	511.602.702
- Công ty Bán Lê Phương Nam	283.618.604.627	278.356.795.027
- Công ty Phương Nam Phim	8.199.528.214	8.632.804.823
- Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	24.170.000	24.170.000
- Công ty In Phương Nam	34.449.561	30.908.561
- Công ty Sách Phương Nam	6.046.140.198	5.646.769.394
- Công ty GT-TT Phương Nam	587.085.766	587.085.766
Cộng	298.997.150.250	293.790.136.273

Trả trước người bán là các bên liên quan

- Công ty CP Nhân Hiệu Phương Nam	2.545.329.604	2.545.329.604
-----------------------------------	---------------	---------------

17. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	30/09/2022	01/01/2022
a) Phải nộp		
- Thuế giá trị gia tăng	225.311.527	118.237.742
- Thuế thu nhập doanh nghiệp/	94.168.086	
- Thuế thu nhập cá nhân	156.283.743	223.611.786
- Các loại thuế khác	17.946.750	5.612.950
Cộng	493.710.106	347.462.478

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 năm 2022

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

b) Phải thu		
- Thuế giá trị gia tăng	4.460.062	891.024
- Thuế xuất nhập khẩu	-	2.797.384
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	23.498.168	23.498.168
- Các loại thuế khác	3.208.012	3.208.012
Cộng	31.166.242	30.394.588
18. Chi phí phải trả		
	30/09/2022	01/01/2022
a) Ngắn hạn		
- Trụ sở chính	5.930.269.351	4.776.442.509
- Công ty Bán Lẻ Phương Nam	17.126.931.941	5.518.934.928
- Công ty Phương Nam Phim	6.630.926.286	6.629.688.506
- Công ty Sách Phương Nam	2.270.534.116	1.604.734.167
- Công ty TNHH GT-TT Phương Nam	101.897.474	101.897.474
Cộng	32.060.559.168	18.631.697.584
19. Phải trả khác		
	30/09/2022	01/01/2022
a) Ngắn hạn		
- Tài sản thừa chờ giải quyết;	2.946.790.403	2.699.450.093
- Kinh phí công đoàn;	500.106.292	553.499.128
- Bảo hiểm xã hội;	998.354.404	816.010.281
- Bảo hiểm y tế;	8.630.100	0
- Bảo hiểm thất nghiệp;	46.744.390	40.542.090
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn;	2.146.123.360	1.646.123.360
- Các khoản phải trả khác.	20.997.841.600	16.452.523.768
Cộng	27.644.590.549	22.208.148.720
Các khoản phải trả khác:		
+ Công ty CP Nhân Hiệu Phương Nam	567.450	567.450
+ Khác	20.997.274.150	16.451.956.318
Cộng	20.997.841.600	16.452.523.768
b) Dài hạn:		
	30/09/2022	01/01/2022
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	5.341.710.976	4.312.392.976
Cộng	5.341.710.976	4.312.392.976
Trong đó		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn:		
+ Công ty Bán Lẻ Phương Nam	-	500.000.000
+ Công ty Phương Nam Phim	5.341.710.976	3.812.392.976
Cộng	5.341.710.976	4.312.392.976
20. Doanh thu chưa thực hiện		
	30/09/2022	01/01/2022
Ngắn hạn		
- Doanh thu nhận trước;		
- Công ty Bán Lẻ Phương Nam	2.721.235.429	1.380.888.138
Cộng	2.721.235.429	1.380.888.138
22. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
	30/09/2022	01/01/2022
- Trụ sở chính	626.505.094	596.854.601
- Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	114.808.358	114.808.358
Cộng	741.313.452	711.662.959

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 năm 2022

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

23. *Vốn chủ sở hữu*

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu Quỹ	Vốn khác của chủ sở hữu	LNST thuế chưa phân phối và các quỹ	Các khoản mục khác	Cộng
Số dư đầu năm trước	110.402.410.000	24.738.460.046	(2.616.000.640)	1.998.733.714	60.040.634.281	(26.998.377.500)	167.565.859.901
Tăng vốn trong năm trước							-
Lãi trong năm trước							-
Tăng khác năm trước							-
Giảm vốn trong năm trước							-
Lỗ trong năm trước					15.059.532.573		15.059.532.573
Giảm khác năm trước						300.000.000	300.000.000
Số dư đầu năm nay	110.402.410.000	24.738.460.046	(2.616.000.640)	1.998.733.714	44.981.101.708	(27.298.377.500)	152.206.327.328
Tăng vốn trong năm nay							-
Lãi trong năm nay					17.376.479.335		17.376.479.335
Tăng khác năm nay						-	-
Giảm vốn trong năm nay							-
Lỗ trong năm nay							-
Giảm khác năm nay							-
Số dư cuối năm nay	110.402.410.000	24.738.460.046	(2.616.000.640)	1.998.733.714	62.357.581.043	(27.298.377.500)	169.582.806.663

Cổ phiếu

	30/09/2022	01/01/2022
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.040.241	11.040.241
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.040.241	11.040.241
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	(240.890)	(240.890)
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.799.351	10.799.351

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000 VND/ cổ phần

Các quỹ của doanh nghiệp:

- Quỹ đầu tư phát triển:	1.998.733.714	1.998.733.714
--------------------------	---------------	---------------

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 năm 2022

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

27. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

	30/09/2022	01/01/2022
Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi	2.152.540.894	2.152.540.894
Ngoại tệ các loại	9,481.70	9,105.89

28. Các thông tin khác do doanh nghiệp tự thuyết minh, giải trình.

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Quý III/2022	Quý III/2021
+ Hàng hóa	200.406.346.332	42.706.368.210
+ Dịch vụ	2.967.481.465	418.299.916
+ Khác	402.420.400	213.490.302
	203.776.248.197	43.338.158.428
-Trụ sở chính	438.304.411	369.763.351
-Công ty Bán Lê Phương Nam	202.826.566.026	42.750.382.649
-Công ty Phương Nam Phim	482.986.157	217.301.598
-Công ty Sách Phương Nam	28.391.603	710.830
Cộng	203.776.248.197	43.338.158.428
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	Quý III/2022	Quý III/2021
- Hàng bán bị trả lại;	1.825.606.724	623.013.016
	1.825.606.724	623.013.016
Trong đó:		
-Công ty Bán Lê Phương Nam	1.822.097.724	563.959.561
-Công ty Phương Nam Phim	3.509.000	59.053.455
Cộng	1.825.606.724	623.013.016
Doanh thu thuần	Quý III/2022	Quý III/2021
+ Hàng hóa	198.580.739.608	42.083.355.194
+ Dịch vụ	2.967.481.465	418.299.916
+ Khác	402.420.400	213.490.302
	201.950.641.473	42.715.145.412
+ Trong đó:		
-Trụ sở chính	438.304.411	369.763.351
-Công ty Bán Lê Phương Nam	201.004.468.302	42.127.369.633
-Công ty Phương Nam Phim	479.477.157	217.301.598
-Công ty Sách Phương Nam	28.391.603	710.830
Cộng	201.950.641.473	42.715.145.412
3. Giá vốn hàng bán	Quý III/2022	Quý III/2021
+ Hàng hóa	118.299.181.364	27.400.732.649
+ Dịch vụ	903.954.287	408.330.447
+ Khác	800.000	
	119.203.935.651	27.809.063.096
+ Trong đó		
-Trụ sở chính	174.989.156	10.288.595
-Công ty Bán Lê Phương Nam	113.342.361.341	27.928.181.132
-Công ty Phương Nam Phim	4.089.199.058	(130.092.375)
-Công ty Sách Phương Nam	113.437.015	685.744
Cộng	117.719.986.570	27.809.063.096

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 năm 2022

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4. Doanh thu hoạt động tài chính		
	Quý III/2022	Quý III/2021
-Trụ sở chính	18.132.408	103.257
-Công ty Bán Lê Phương Nam	1.762.964.443	1.681.014.541
-Công ty Phương Nam Phim	1.384.185	40.125.988
-Công ty In Phương Nam	827	3.321
-Công ty Sách Phương Nam	392.583	885.339
-Công ty GTTT Phương Nam	561	366
Cộng	1.782.875.007	1.722.132.812
+ Trong đó:		
- Lãi tiền gửi	1.673.738.830	1.720.307.289
- Lãi chênh lệch tỷ giá;	-	1.825.523
- Chiết khấu thanh toán	109.136.177	
Cộng	1.782.875.007	1.722.132.812
5. Chi phí tài chính		
	Quý III/2022	Quý III/2021
-Trụ sở chính		
-Công ty Sách Phương Nam	1.237.500	
Cộng	1.237.500	-
Trong đó:		
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.237.500	
Cộng	1.237.500	-
6. Thu nhập khác		
	Quý III/2022	Quý III/2021
-Trụ sở chính	3.696.835	86.546.922
-Công ty Bán Lê Phương Nam	106.339.229	95
-Công ty Phương Nam Phim	115.500	
Cộng	110.151.564	86.547.017
Trong đó		
+ Trong đó:		
-Thanh lý HH, TSCĐ,CCDC	-	54.363.636
-Hỗ trợ khác NCC	42.709.727	15.391.623
-Các khoản khác	67.441.837	5.346.758
-Công nợ không đòi	-	11.445.000
Cộng	110.151.564	86.547.017
7. Chi phí khác		
	Quý III/2022	Quý III/2021
-Trụ sở chính	80.145.599	154.645.936
-Công ty Bán Lê Phương Nam	3.079.347.393	445.956.928
-Công ty Phương Nam Phim	-	38.130.000
-Công ty In Phương Nam	11.000.000	
Cộng	3.170.492.992	638.732.864
- Thanh lý TSCĐ,CCDC,hàng hóa hư	-	122.376.892
- Các khoản phạt, truy thu thuế, hành chính..	11.332.144	20.767.004
- Các khoản khác.	148.258.013	495.588.968
+Thù lao hội đồng quản trị, ban kiểm soát	75.000.000	108.000.000
+Trợ cấp gia đình chính sách	1.500.000	1.500.000
+Tài trợ (vật tư trị covid)	-	170.755.636
+Chi phí đóng cửa	-	208.333.332
+Khác	71.758.013	7.000.000
Cộng	159.590.157	638.732.864

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 năm 2022

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý III/2022	Quý III/2021
Chi phí bán hàng:		
- Công ty Bán Lê Phương Nam	61.685.479.891	24.517.190.137
- Công ty Phương Nam Phim	190.374.078	145.967.920
- Công ty Sách Phương Nam	15.773.990	8.480.830
Cộng	61.891.627.959	24.671.638.887

+ Trong đó:

Chi phí nhân viên	26.468.468.155	9.640.173.722
Chi phí vật liệu, bao bì	598.769.647	87.540.407
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	111.046.439	170.814.183
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.448.514.208	4.013.872.351
Thuế, lệ phí	-	1.499.994
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.377.881.454	10.588.339.139
Chi phí khác bằng tiền	3.886.948.096	169.399.091
Cộng	61.891.627.999	24.671.638.887

Chi phí quản lý:

	Quý III/2022	Quý III/2021
- Trụ sở chính	1.572.905.923	711.363.433
- Công ty Bán Lê Phương Nam	6.166.511.083	2.237.258.776
- Công ty Phương Nam Phim	456.418.473	348.835.115
- Công ty In Phương Nam	905.000	
- Công ty Sách Phương Nam	696.423.550	417.411.517
Cộng	8.893.164.029	3.714.868.841

+ Trong đó:

Chi phí nhân viên quản lý	7.201.341.970	2.441.156.450
Chi phí vật liệu, bao bì quản lý	-	562.842
Chi phí đồ dùng văn phòng	125.493.371	42.934.970
Chi phí khấu hao tài sản cố định	481.166.659	160.403.091
Thuế, lệ phí	3.540.000	1.780.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	283.521.445	993.626.655
Chi phí khác bằng tiền	798.100.584	74.404.833
Cộng	8.893.164.029	3.714.868.841

IX. Những thông tin khác

3. Thông tin về các bên liên quan

Tên công ty

+ Công ty Bán Lê Phương Nam	Công ty con
+ Công ty Phương Nam Phim	Công ty con
+ Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	Công ty con
+ Công ty In Phương Nam	Công ty con
+ Công ty Sách Phương Nam	Công ty con
+ Công ty GT-TT Phương Nam	Công ty con
+ Công ty Mega Phương Nam	Công ty liên kết
+ Công ty CP Nhân Hiệu Phương Nam	Công ty liên kết
+ Công ty CP TT Bách Việt Phương Nam	Công ty liên kết
+ Công ty CP STB Trường học Sóc Trăng	Đầu tư khác

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 năm 2022

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Số dư công nợ các bên liên quan				
	Công ty	Quan hệ	Nội dung	Trị giá (VND)
a). Công ty CP VH Phương Nam				
+ Công ty Bán Lê Phương Nam		Công ty con	.	.
			Phải thu thương mại	64.535.523.700
			Phải trả thương mại	371.962.982
			Phải thu khác	-
			Phải trả khác	658.900
+ Công ty Phương Nam Phim		Công ty con	.	-
			Phải thu thương mại	3.806.066.660
+ Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam		Công ty con	.	-
			Phải trả khác	62.399.131
+ Công ty In Phương Nam		Công ty con	.	-
			Phải thu khác	43.903.493
+ Công ty Sách Phương Nam		Công ty con	.	-
			Phải thu thương mại	5.881.304.207
			Phải thu khác	12.247.622.448
b). Công ty TNHH Bán Lê Phương Nam				
+ Công ty CPVH Phương Nam		Công ty Mẹ	.	.
			Phải thu thương mại	371.962.982
			Phải trả thương mại	64.535.523.700
			Phải trả khác	658.900
+ Công ty Phương Nam Phim		Cùng tập đoàn	.	-
			Phải thu thương mại	25.922.390
			Phải trả thương mại	2.511.839.970
			Phải trả khác	56.492.202
+ Công ty In Phương Nam		Cùng tập đoàn	.	-
			Phải trả thương mại	2.885.002
+ Công ty Sách Phương Nam		Cùng tập đoàn	.	-
			Phải thu thương mại	31.288.695
			Phải trả thương mại	8.498.973.874
			Phải thu khác	8.564.250
c) Công ty TNHH Một TV Phương Nam Phim				
+ Công ty CPVH Phương Nam		Công ty Mẹ	.	.
			Phải trả thương mại	3.806.066.660
+ Công ty Bán Lê Phương Nam		Cùng tập đoàn	.	-
			Phải thu thương mại	2.511.839.970
			Phải trả thương mại	25.922.390
			Phải thu khác	56.492.202
+ Công ty In Phương Nam		Cùng tập đoàn	.	-
			Phải trả thương mại	132.000.000
+ Công ty Sách Phương Nam		Cùng tập đoàn	.	-
			Phải thu thương mại	53.824.138
			Phải thu khác	
d) Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam				
+ Công ty CPVH Phương Nam		Công ty Mẹ	.	.
			Phải thu khác	62.399.131
e) Công ty In Phương Nam				
+ Công ty CPVH Phương Nam		Công ty Mẹ	.	.
			Phải trả khác	43.903.493
+ Công ty Bán Lê Phương Nam		Cùng tập đoàn	.	-
			Phải thu thương mại	2.885.002



CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 năm 2022

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

+ Công ty Phương Nam Phim	Cùng tập đoàn	.	-
		Phải thu thương mại	132.000.000
+ Công ty Sách Phương Nam	Cùng tập đoàn	.	-
		Phải thu khác	472.524.711
f) Công ty Sách Phương Nam			-
+ Công ty CPVH Phương Nam	Công ty Mẹ	.	.
		Phải trả thương mại	5.881.304.207
		Phải trả khác	12.247.622.448
+ Công ty Bán Lê Phương Nam	Cùng tập đoàn	.	-
		Phải thu thương mại	8.498.973.874
		Phải trả thương mại	31.288.695
		Phải trả khác	8.564.250
+ Công ty Phương Nam Phim	Cùng tập đoàn	.	-
		Phải trả thương mại	53.824.138
+ Công ty In Phương Nam	Cùng tập đoàn	.	-
		Phải trả thương mại	-
		Phải trả khác	472.524.711
g) Công ty GT-TT Phương Nam			-
+ Công ty CPVH Phương Nam	Công ty Mẹ	.	.
		Phải trả thương mại	601.448.802
		Phải trả khác	3.545.046.515
		Phải trả tiền vay	17.849.972.365
+ Công ty Phương Nam Phim	Cùng tập đoàn	.	-
		Phải trả khác	52.363.636
			-

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 năm 2022

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận
Kỳ kế toán đến 30/09/2021

	Đơn vị tính: triệu đồng								
	Kinh doanh PNC	Bán lẻ	SXKD phim, băng đĩa	SXKD văn phòng phẩm	In, thiết kế	Phát hành sách	Truyền thông	Loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu									
Từ khách hàng bên ngoài	1,233	283,531	1,412			306			286,482
Giữa các bộ phận	8,400	489	355			9,252		-18,496	
Tổng cộng	9,633	284,020	1,767			9,557		-18,496	286,482
Kết quả hoạt động kinh doanh									
Kết quả của bộ phận	-936	-27,269	-1,138		-4	904	-2	-1,263	-29,708
Chi phí không phân bổ									
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính	-936	-27,269	-1,138		-4	904	-2	-1,263	-29,708
Thu nhập tài chính	7	9,195	68			4			9,274
Chi phí tài chính	17,176					5		17,176	5
Thu nhập từ công ty liên kết									
Thuế thu nhập doanh nghiệp									
Lợi nhuận sau thuế	-18,105	-18,074	-1,070		-4	902	-2	15,666	-20,687
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-		-	-		-	-
Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	-18,105	-18,074	-1,070		-4	902	-2	15,666	-20,687
Các khoản mục bất thường	-	-	-		-	-		-	-
Lợi nhuận thuần	-18,105	-18,074	-1,070		-4	902	-2	15,666	-20,687
Các thông tin khác									
Tài sản của bộ phận	145,985	474,273	19,851	184	656	32,914	490	-156	518,751
Tổng tài sản hợp nhất	145,985	474,273	19,851	184	656	32,914	490	-156	518,751
Nợ phải trả của bộ phận	7,250	411,385	24,936	25	92	28,091	22,748	-122,655	371,872
Nợ phải trả không phân bổ	483	76,259	4,433		44	19,387	22,049	122,655	
Tổng nợ phải trả hợp nhất	6,767	335,126	20,503	25	48	8,704	699		371,872
Chi phí mua sắm tài sản		4,680							4,680
Chi phí khấu hao	25	15,042						-999	14,068

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 3 năm 2022

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Kỳ kế toán đến 30/09/2022			Đơn vị tính: triệu đồng						
	Kinh doanh PNC	Bán lẻ	SXKD phim, băng đĩa	SXKD văn phòng phẩm	In, thiết kế	Phát hành sách	Truyền thông	Loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu									
Từ khách hàng bên ngoài	1.163	510.655	6.411			271			518.501
Giữa các bộ phận	9.073	827	245			14.719		-24.865	
Tổng cộng	10.237	511.482	6.657			14.990		-24.865	518.501
Kết quả hoạt động kinh doanh									
Kết quả của bộ phận	-1.329	9.062	-308		-18	1.817	-2	490	9.711
Chi phí không phân bổ									
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính	-1.329	9.062	-308		-18	1.817	-2	490	9.711
Thu nhập tài chính	24	7.504	108			1			7.637
Chi phí tài chính	-14.451					1		-14.451	1
Thu nhập từ công ty liên kết									
Thuế thu nhập doanh nghiệp									
Lợi nhuận sau thuế	13.146	16.566	-200		-18	1.817	-2	-13.932	17.376
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-		-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	13.146	16.566	-200		-18	1.817	-2	-13.932	17.376
Các khoản mục bất thường	-	-	-		-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	13.146	16.566	-200		-18	1.817	-2	-13.932	17.376
Các thông tin khác									
Tài sản của bộ phận	166.479	530.347	19.031	184	641	35.603	488	-177	575.976
Công ty liên kết									
Tài sản không phân bổ									
Tổng tài sản hợp nhất	166.479	530.347	19.031	184	641	35.603	488	-177	575.976
Nợ phải trả của bộ phận	9.745	445.624	24.058	25	95	28.834	22.748	-120.823	410.307
Nợ phải trả không phân bổ	435	75.606	3.964		44	18.725	22.049	120.823	
Tổng nợ phải trả hợp nhất	9.310	370.018	20.094	25	51	10.109	699		410.307
Chi phí mua sắm tài sản		831							831
Chi phí khấu hao	8	11.015						-704	10.320

Tập đoàn không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Tập đoàn hoàn toàn tại Việt Nam. Do đó, không có sự khác biệt về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần phải thuyết minh

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 năm 2022

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5. Thông tin so sánh

Tài sản tài chính

Tiền và các khoản tương đương tiền
Phải thu khách hàng và phải thu khác
Khoản đầu tư tài chính
Tài sản tài chính khác

	30/09/2022	01/01/2022
Tiền và các khoản tương đương tiền	64,759,628,152	28,059,429,425
Phải thu khách hàng và phải thu khác	60,324,469,230	78,182,702,662
Khoản đầu tư tài chính	146,746,000,000	103,200,000,000
Tài sản tài chính khác	19,113,509,558	18,159,033,396
Cộng	290,943,606,940	227,601,165,483

Công nợ tài chính

Các khoản vay
Phải trả người bán và phải trả khác
Chi phí phải trả

Các khoản vay	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	331,983,451,775	320,310,677,969
Chi phí phải trả	32,060,559,168	18,631,697,584
Cộng	364,044,010,943	338,942,375,553

Kế toán trưởng



Phan Quốc Hưng

Ngày 8 tháng 10 năm 2022
Đại diện pháp luật/ Người được ủy quyền



Nguyễn Hữu Hoạt

